

Bản án số: **92/2019/DSPT**

Ngày: 18/7/2019.

*V/v: Tranh chấp kiện đòi tài sản; yêu
cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất và yêu cầu chấm dứt hành vi
cản trở trái pháp luật đối với thực
hiện quyền sở hữu”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh

Các Thẩm phán: Ông Mai Anh Tài;

Bà Phan Thị Vân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đào Trọng Thuyết, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 103/2018/TLPT- DS ngày 23 tháng 8 năm 2018, do có kháng cáo của các đồng nguyên đơn đối với Bản án Dân sự sơ thẩm số 10/2018/DSST ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6921/2019/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2019, giữa:

1. Nguyên đơn:

- Cụ Lê Thị Ph, sinh năm 1932; có mặt.

- Bà Đào Thị Kh, sinh năm 1963; có mặt.

- Ông Đào Văn H, sinh năm 1965; có mặt.

- Bà Đào Thị H1, sinh năm 1968; có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn HL, xã LH, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc;

- Đào Thị H2, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn PL, xã VX, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của cụ Ph, ông H, và bà Hiền: Anh Đào Văn D, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn HL, xã LH, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Kh: Anh Vũ Văn Ph, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn QT, xã CH, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho đồng nguyên đơn: Luật sư Hoàng Thị Minh Du - Công ty luật TNHH Thịnh Hưng thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt.

Bị đơn:

- Ông Đào Văn S, sinh năm 1945;
- Anh Đào Văn H4, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: Thôn HL, xã LH, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc; Đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Hùng: Luật sư Lê Hồng Hiền - Công ty Luật TNHH Lê Hồng Hiền và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1970;
- Anh Đào Văn D, sinh năm 1990;
- Chị Đào Thị Thu H, sinh năm 1993;

Cùng địa chỉ: Thôn HL, xã LH, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc; Đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân huyện VT.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Việt C - Chủ tịch UBND huyện VT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bình Khiêm - Phó chủ tịch UBND huyện VT. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/11/2016 và những lời khai của các nguyên đơn và anh Vũ Văn Ph là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn trình bày: Do có quan hệ hàng xóm gần nhà nên gia đình anh có cho gia đình ông S, anh H4 mượn đất để ở nhờ. Do ông S tại thời điểm đó là chủ nhiệm Hợp tác xã, xã đội trưởng... nên cậy quyền thế và cậy đông anh em, còn gia đình anh thì chỉ toàn đàn bà con gái ở nhà nên gia đình ông S đã cố tình xây nhà tạm để chiếm đất. Suốt từ thời điểm đó đến nay gia đình anh nhiều lần đòi lại đất nhưng gia đình ông S không trả. Gia đình anh đã nhiều lần làm đơn ra Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt: UBND) xã LH đề nghị giải quyết nhưng UBND xã Lũng Hoà không giải quyết. Đến năm 2016 gia đình ông S có ý định chuyển nhượng diện

tích đất trên cho người khác, gia đình anh lại tiếp tục làm đơn ra UBND xã yêu cầu giải quyết thì được biết thửa đất trên anh H4 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến nay cụ Ph, ông H, bà Kh, bà Hậu và bà Hiền yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S, anh H4 trả lại diện tích đất 338m² tại thôn HL, xã LH, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Vĩnh Lạc (nay là huyện VT) đã cấp số B938141 ngày 30/3/1993, diện tích 338 m² đứng tên anh Đào Văn H4.

Tại phiên toà sơ thẩm ngày 26/6/2018 người đại diện theo uỷ quyền và các nguyên đơn cụ Ph, ông H, bà Kh, bà Hậu và Hiền đã rút yêu cầu khởi kiện đòi diện tích đất 338 m² tại thôn HL, xã LH, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc và chỉ yêu cầu Toà án giải quyết hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp số B938141 cấp ngày 30/3/1993 diện tích 338m² đứng tên anh Đào Văn H4.

Bị đơn ông Đào Văn S và anh Đào Văn H4 và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn chị Đào Thị Thuỷ trình bày: Năm 1982 do hoàn cảnh kinh tế khó khăn gia đình cụ Lê do cụ Lê (chồng cụ Ph) là chủ hộ đứng ra bán đất cho ông S diện tích là 01 sào Bắc bộ. Hai bên có viết giấy chuyển nhượng đất thổ cư đề ngày 01/02/1982. Sau đó đến năm 1984 ông có xây nhà và cho con trai ông là anh Đào Văn H4 lấy vợ và đến đó ở. Khi các con anh H4 lớn đi học đại học, nhà ông xây năm 1984 mục nát xuống cấp nên gia đình ông đã dỡ bỏ còn khoảng đất trống chỉ có tường rào, cổng và cây cối. Việc gia đình cụ Ph cho rằng gia đình ông mượn đất là không có căn cứ, không có giấy tờ gì thể hiện việc cho mượn, cho ở nhờ. Kể từ khi gia đình ông nhận chuyển nhượng của cụ Lê (chồng cụ Ph) thì gia đình đã làm nhà, sinh sống ổn định và được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Gia đình cụ Ph ở liền kề nhưng không có ý kiến gì, chỉ đến khi gia đình anh H4 chuyển về sinh sống cùng, với ông ở chỗ khác và có ý định chuyển nhượng cho người khác thì gia đình ông H (con cụ Ph) đến chiếm mảnh đất đó, chặt cây rào cổng không cho gia đình ông vào. Đến nay cụ Ph, ông H, bà Kh, bà H1 và bà H2 yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Vĩnh Lạc (nay là huyện VT) đã cấp số B938141 cấp ngày 30/3/1993 diện tích 338m² đứng tên ông Đào Văn H4. Quan điểm của ông và anh H4 và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời yêu cầu gia đình cụ Ph trả lại đất hợp pháp của ông S, anh H4 diện tích 338m² và chấm dứt hành vi cản trở, chiếm giữ bất hợp pháp thửa đất trên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DSST ngày 20/7/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, quyết định:

Áp dụng 157, Điều 165, Điều 200 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 256, 259 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số 04/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của cụ Lê Thị Ph, ông Đào Văn H, bà Đào Thị Kh, bà Đào Thị H1 và Đào Thị H2 đối với yêu cầu ông Đào Văn S, anh Đào Văn H4 phải trả lại diện tích 338m² đất ở thuộc thửa số 354 tờ bản đồ số 5 tại thôn HL, xã LH, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đào Văn S và anh Đào Văn H4 buộc cụ Lê Thị Ph, ông Đào Văn H, bà Đào Thị Kh, bà Đào Thị H1 và Đào Thị H2 phải trả lại diện tích 338m² đất ở thuộc thửa số 354, tờ bản đồ số 5 tại thôn HL, xã LH, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc cho anh Đào Văn H4. Buộc cụ Lê Thị Ph, ông Đào Văn H, bà Đào Thị Kh, bà Đào Thị H1 và Đào Thị H2 phải chấp dứt hành vi chiếm giữ và cản trở trái phép anh Đào Văn H4 và gia đình trong việc sử dụng thửa đất 338m² thuộc thửa số 354 tờ bản đồ số 5 tại thôn HL, xã LH, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Không chấp nhận yêu cầu của cụ Lê Thị Ph, ông Đào Văn H, bà Đào Thị Kh, bà Đào Thị H1 và Đào Thị H2 về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B938141 cấp ngày 30/3/1993 do UBND huyện Vĩnh Lạc (nay là huyện VT) cấp cho anh Đào Văn H4.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, chi phí thẩm định tại chỗ và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/8/2018, đồng nguyên đơn cụ Lê Thị Ph, ông Đào Văn H, bà Đào Thị Kh, bà Đào Thị H1 và Đào Thị H2 kháng cáo toàn bộ bản án. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Hủy bản án sơ thẩm; không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đào Văn S và anh Đào Văn H4; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B938141 cấp ngày 30/3/1993 do UBND huyện Vĩnh Lạc (nay là huyện VT) cấp cho anh Đào Văn H4.

Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã nhiều lần mở phiên tòa, do nguyên đơn có đơn xin hoãn phiên tòa và sự vắng mặt của một số người tham gia tố tụng khác, theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn có đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt;

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có quan điểm: Không nhất trí với kháng cáo của nguyên đơn. Giữa cụ Lê và ông S có xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; việc chuyển nhượng là hoàn toàn hợp pháp, có giấy tờ chuyển nhượng, có chữ ký của bên nhận chuyển nhượng và chữ ký của người làm chứng. Việc chuyển nhượng năm 1982 đến năm 1985 mới xác nhận của chính quyền địa phương là hoàn toàn hợp pháp do pháp luật không quy định phải xác nhận ngay tại thời điểm ký kết. Phía nguyên đơn cho rằng gia đình ông Lê cho gia đình ông S ở nhờ nhưng không có chứng cứ chứng minh sự kiện

này. Phía bị đơn lại có căn cứ chứng minh việc gia đình ông S, anh H4 ở trên diện tích đất này là do việc chuyển nhượng. Do đó, việc bị đơn có quyền quản lý và sử dụng diện tích đất này là hoàn toàn hợp pháp. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Án lệ số 04 là hoàn toàn có căn cứ. Gia đình nguyên đơn cho rằng nếu cụ Lê chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì phải có sự đồng ý của cụ Ph là không có căn cứ. Sau khi nhận chuyển nhượng gia đình anh H4, ông S đã chuyển đến và xây nhà trên diện tích đất đã nhận chuyển nhượng của cụ Lê. Gia đình nguyên đơn sống bên cạnh thửa đất đó sẽ biết rõ ràng việc ông S và anh H4 sử dụng diện tích đất này. Phía nguyên đơn không đưa ra được căn cứ chứng minh cụ Lê không biết chữ trong khi cụ Lê có những giấy tờ, hồ sơ thể hiện quan hệ giữa xã viên với Hợp tác xã đều có chữ ký của cụ Lê. UBND huyện VT đã có Công văn trả lời là trình tự cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đào Văn H4 là hoàn toàn hợp pháp, đúng trình tự. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có quan điểm: Phía luật sư bị đơn đưa ra căn cứ là Thông tư Số 02 là không chính xác. Gia đình ông S và anh H4 không sử dụng hết toàn bộ diện tích đất tranh chấp mà chỉ sử dụng một phần nhà là căn nhà tạm. Còn phần diện tích đất phía sau căn nhà tạm đó thì gia đình nguyên đơn vẫn canh tác và sử dụng. Việc áp dụng Án lệ số 04 thì phải làm sáng tỏ 3 điều là đã nhận tiền, đã chuyển giao đất và người không ký vào giấy chuyển nhượng biết mà không có ý kiến gì. Nhưng trong vụ án này, chưa có căn cứ chứng minh ông S đã chuyển tiền cho cụ Lê, chưa có căn cứ ai là người bàn giao đất, anh Dương cũng đã trình bày rằng cụ Ph và gia đình cụ Ph cũng đã nhiều lần tranh chấp với gia đình ông S, anh H4. Do đó, việc áp dụng Án lệ số 04 là không chính xác. Gia đình cụ Ph cũng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó đã bị tẩy xóa. Đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để có căn cứ chứng minh chữ ký trong Giấy chuyển nhượng là có phải cụ Lê không. UBND huyện VT có Công văn khẳng định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Đào Văn H4 là có căn cứ, nhưng không cung cấp được hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Có nghĩa rằng trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là vi phạm pháp luật. Cần phải hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó.

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Đào Văn H4 là cấp sai theo quy định của pháp luật: Điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng, trong hồ sơ thể hiện rõ không có sổ địa chính, không thể xác định sổ địa chính mang tên anh H4, các hộ gia đình đã tranh chấp từ năm 1984 nên không đáp ứng được yêu cầu sử dụng đất ổn định, đất đang có tranh chấp nên không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Thông tin trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không chính xác. Trên tờ bản đồ số 05 có 3 thửa đất của nhà cụ Lê, có 1 thửa có tranh chấp, còn 2 thửa không có tranh chấp, trong đó chỉ có duy nhất 1 thửa đất là có ký hiệu chữ T, còn thửa đất tranh chấp không phải là đất thổ cư, nhưng lại cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H4 lại là đất thổ cư. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vượt quá

hạn mức, nếu anh H4 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất thổ cư thì chỉ được cấp 200m² là đất thổ cư, còn lại là đất vườn. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cấp sai chủ sử dụng, diện tích đất này có nguồn gốc của gia đình cụ Lê, cụ Ph.

Đối với diện tích đất nông nghiệp đã cấp cho anh H4 là không đúng với thực tế đất sử dụng của anh H4. Gia đình anh H4 cho rằng được sử dụng 338m² đất tranh chấp nhưng thực tế anh H4 sử dụng diện tích đất rất nhỏ là căn cứ nhà tạm trên đó, còn toàn bộ diện tích đất còn lại phía gia đình nguyên đơn vẫn đang canh tác, sử dụng. Nhưng UBND huyện VT lại cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H4 toàn bộ diện tích đất đó. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh H4.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được hỏi, đối đáp, phát biểu quan điểm đúng theo quy định của pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ theo quy định của pháp luật.

- Kháng cáo của nguyên đơn đúng thời hạn, đúng quy định nên đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung: Nguồn gốc đất tranh chấp là của gia đình cụ Đào Văn Lê và cụ Lê Thị Ph. Năm 1985, cụ Lê chuyển nhượng cho ông S có ông Xuyên là người ký tên làm chứng. Năm 1985 được chính quyền địa phương xác nhận việc chuyển nhượng. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông S đã làm thủ tục tặng cho con trai là anh Đào Văn H4. Theo quy định của pháp luật, việc chuyển nhượng đất là không hợp pháp, nhưng theo Nghị quyết số 02 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì gia đình ông S đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây nhà trên đất, thời điểm đó gia đình cụ Lê, cụ Ph cũng không có ý kiến gì. Nay cụ Ph cho rằng gia đình cụ cho gia đình ông S mượn tạm diện tích đất này để ở nhưng gia đình cụ Ph không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho gia đình ông S mượn diện tích đất này. Theo Án lệ số 04 thì phải xác định cụ Lê đã chuyển nhượng đất tranh chấp cho gia đình ông Đào Văn S. Gia đình ông S đã sử dụng ổn định và xây nhà trên đất, đã kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cùng thời điểm trên thì gia đình cụ Ph cũng đăng ký, kê khai và không kê khai phần diện tích đất đã chuyển nhượng. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng trình tự, thủ tục. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các

đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Thừa số 354 tờ bản đồ số 5 diện tích 338m² đất thổ cư tại thôn HL, xã LH, huyện VT đứng tên anh Đào Văn H4 có nguồn gốc là của gia đình cụ Đào Văn Lê và cụ Lê Thị Ph (tiếp giáp với diện tích đất hiện nay gia đình cụ Lê Thị Ph và các con đang quản lý sử dụng). Quá trình sử dụng đất ngày 01/02/1982 cụ Đào Văn Lê đã chuyển nhượng diện tích đất trên cho ông Đào Văn S (bố anh Đào Văn H4). Đến năm 1984 gia đình ông S đã xây nhà cấp 4 trên thửa đất nhận chuyển nhượng của cụ Lê và ông S tặng cho anh Đào Văn H4 (con trai ông S) nhà và đất nêu trên. Ngày 30/3/1993 anh Đào Văn H4 được UBND huyện Vĩnh Lạc (nay là huyện VT) cấp giấy chứng nhận quyền dùng đất số B938141 tổng diện tích 1552m², trong đó 338m² đất thổ cư là diện tích đất nhận chuyển nhượng từ cụ Đào Văn Lê. Quá trình sử dụng đất anh Đào Văn H4 xây dựng các công trình nhà ở và phụ trên đất và sử dụng ổn định trên thửa đất này mà gia đình cụ Lê, cụ Ph và mọi người không ai có ý kiến gì, chỉ đến khi gia đình anh H4 không ở đó chuyển đến ở chỗ khác một thời gian sau thì gia đình cụ Ph đã bít lối cổng đi và chiếm giữ thửa đất trên dẫn đến hai gia đình xảy ra tranh chấp.

[2] Cụ Lê Thị Ph, ông Đào Văn H, bà Đào Thị Kh, bà Đào Thị H1 và Đào Thị H2 khởi kiện yêu cầu ông Đào Văn S và anh Đào Văn H4 phải trả lại diện tích 338m² đất ở thuộc thửa số 354 tờ bản đồ số 5 tại thôn HL, xã LH, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc; đồng thời yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B938141 cấp ngày 30/3/1993 do UBND huyện Vĩnh Lạc (nay là huyện VT) cấp cho anh Đào Văn H4. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 26/6/2018 cụ Lê Thị Ph, ông Đào Văn H, bà Đào Thị Kh, bà Đào Thị H1 và Đào Thị H2 rút yêu cầu buộc ông Đào Văn S, anh Đào Văn H4 trả lại diện tích đất trên và chỉ yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đối với diện tích đất trên cho anh Đào Văn H4. Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này của cụ Ph và các thành viên trong gia đình là đúng quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Xét kháng cáo của gia đình cụ Ph đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B938141 ngày 30/3/1993 do UBND huyện Vĩnh Lạc (nay là huyện VT) cấp cho anh Đào Văn H4 thấy rằng: Ngày 01/02/1982 gia đình ông Đào Văn S nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của gia đình cụ Đào Văn Lê; ngày 10/5/1985 UBND xã LH đã xác nhận vào giấy chuyển nhượng đất thổ cư. Diện tích đất trên đã đăng ký quyền sử dụng đất vào sổ địa chính của UBND xã và gia đình ông S thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính trên thửa đất đối với nhà nước từ đó đến nay. Quá trình kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình ông S đã làm đầy đủ các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai. Mặt khác, tại thời điểm năm 1993 gia đình cụ Ph không kê khai với diện tích đất này; chỉ kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất hiện tại gia đình đang sử dụng. Như vậy, việc gia đình cụ Ph cho rằng đến thời điểm năm 2016 gia đình cụ mới biết được diện tích đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Đào Văn H4 là không có cơ sở. Việc gia đình cụ Ph cản trở, chiếm giữ diện tích đất và trồng một số

cây trên đất gây khó khăn đối với việc thực hiện quyền của anh H4 là người sử dụng đất hợp pháp. Do đó, ông S, anh H4 có yêu cầu gia đình cụ Ph phải chấm dứt hành vi cản trở và chiếm giữ đất trái phép trên là có căn cứ. Bởi vậy, Bản án sơ thẩm xác định không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của gia đình cụ Ph về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B938141 ngày 30/3/1993 do UBND huyện Vĩnh Lạc (nay là huyện VT) cấp cho anh Đào Văn H4 là chính xác; đồng thời buộc gia đình cụ Ph phải chấm dứt hành vi cản trở và chiếm giữ đất trái phép trên là đúng pháp luật. Yêu cầu kháng cáo của cụ Ph và các thành viên gia đình cụ Ph về việc Hủy bản án sơ thẩm; không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đào Văn S và anh Đào Văn H4; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B938141 cấp ngày 30/3/1993 do UBND huyện Vĩnh Lạc (nay là huyện VT) cấp cho anh Đào Văn H4 không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên những người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của đồng nguyên đơn cụ Lê Thị Ph ông Đào Văn H, bà Đào Thị Kh, bà Đào Thị H1 và Đào Thị H2 về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Hủy bản án sơ thẩm; không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đào Văn S và anh Đào Văn H4; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B938141 cấp ngày 30/3/1993 do UBND huyện Vĩnh Lạc (nay là huyện VT) cấp cho anh Đào Văn H4.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DSST ngày 20/7/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc như sau:

Áp dụng 157, Điều 165, Điều 200 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 256, 259 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số 04/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của cụ Lê Thị Ph, ông Đào Văn H, bà Đào Thị Kh, bà Đào Thị H1 và Đào Thị H2 đối với yêu cầu ông Đào Văn S, anh Đào Văn H4 phải trả lại diện tích 338m² đất ở thuộc thửa số 354 tờ bản đồ số 5 tại thôn HL, xã LH, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đào Văn S và anh Đào Văn H4 buộc cụ Lê Thị Ph, ông Đào Văn H, bà Đào Thị Kh, bà Đào Thị H1 và Đào Thị H2 phải trả lại diện tích 338m² đất ở thuộc thửa số 354 tờ bản đồ số 5 tại thôn HL, xã LH, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc cho anh Đào Văn H4. Buộc cụ Lê Thị Ph, ông Đào Văn H, bà Đào Thị Kh, bà Đào Thị H1 và Đào Thị H2 phải chấp dứt hành vi chiếm giữ và cản trở trái phép anh Đào Văn H4 và gia đình trong việc sử dụng thửa đất 338m² thuộc thửa số 354 tờ bản đồ số 5 tại thôn HL, xã LH, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Không chấp nhận yêu cầu của cụ Lê Thị Ph, ông Đào Văn H, bà Đào Thị Kh, bà Đào Thị H1 và Đào Thị H2 về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B938141 cấp ngày 30/3/1993 do UBND huyện Vĩnh Lạc (nay là huyện VT) cấp cho anh Đào Văn H4.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí cho cụ Lê Thị Ph do là người cao tuổi (sinh năm 1932); đối trừ với số tiền 300.000 đồng anh Đào Văn D (con trai ông Đào Văn H) đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu số AA/2017/0002315 ngày 07/8/2018, ông H đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm. Bà Đào Thị Kh, bà Đào Thị H1 và Đào Thị H2 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác về án phí sơ thẩm, chi phí đo đạc, định giá tài sản của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hải Thanh